

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 404/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 6 - 2025

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Tuấn.

2. Ông Hà Bửu Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nhiều - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 636/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Hứa Ngọc N, sinh năm: 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. **Bị đơn:** Anh Lê Văn D, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 21/10/2024 và tại phiên tòa, chị Hứa Ngọc N là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh D tự nguyện kết hôn năm 2012 nhưng không có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn chung sống tại ấp N, xã N, huyện G. Tháng 3/2023, hai bên tự nguyện đến Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang đăng ký kết hôn theo quy định, sau đó phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình và cuộc sống thường cự cãi nhau. Tháng

10/2024, chị về nhà cha, mẹ ruột ở sống ly thân với anh D cho đến nay, trong thời gian này anh D có đến thăm con nhưng hai bên không có tự hàn gắn tình cảm vợ, chồng.

Quá trình chung sống chị và anh D có 02 người con là cháu Lê Hứa Ngọc T, sinh ngày 22/4/2013 và cháu Lê Đức T1, sinh ngày 21/12/2023; kể từ lúc ly thân cho đến nay chị nuôi cháu T1, anh D nuôi cháu T, các cháu được hai bên chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định.

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác định không còn tình cảm với anh D nên kiên quyết yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Chị yêu cầu nuôi cháu T1, đồng ý giao cháu T cho anh D nuôi và tôn trọng nguyện vọng của cháu T muốn chung sống với cha là anh D, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản làm việc tại Tòa án ngày 26/5/2025, anh Lê Văn D là bị đơn trình bày:

Anh và chị N kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn do chị N thay đổi tính tình, tham gia đánh bạc (sổ đề), anh có khuyên nhưng không thay đổi, từ đó cuộc sống hằng ngày thường cự cãi nhau; anh khẳng định không có bạo hành như chị N trình bày trong đơn khởi kiện. Tháng 9/2024, hai bên sống ly thân với nhau cho đến nay.

Anh không đồng ý ly hôn với chị N vì còn tình cảm.

Về con chung: Anh thống nhất nuôi cháu T, chị N nuôi cháu T1, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ:

Trưởng ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang cho biết: Ban lãnh đạo ấp không biết nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa chị N và anh D, cháu T được anh D và gia đình anh D nuôi dưỡng ổn định, đảm bảo sự phát triển.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định. Đối với anh D chưa thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị N và anh D tự nguyện kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn ngày 15/3/2023 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Chị N xác định vợ, chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng; tháng 10/2024, hai bên sống ly thân với nhau cho

đến nay. Tại phiên tòa, chị N cương quyết yêu cầu ly hôn, mặc dù anh D không đồng ý ly hôn nhưng không đến tham gia phiên tòa nhằm đưa ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ, chồng. Xét thấy, hôn nhân của chị N và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh D.

Về con chung: Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận để chị N nuôi cháu T1, anh D nuôi cháu T. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh D không yêu cầu đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh D không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xem xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đề nghị buộc chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Hứa Ngọc N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Lê Văn D, đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Lê Văn D là bị đơn cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh D.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh D kết hôn năm 2012, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 15/3/2023 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp, kể từ thời điểm đăng ký kết hôn. Chị N xác định thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình và cuộc sống thường cự cãi nhau; ngược lại, anh D xác định nguyên nhân mâu thuẫn do chị N thay đổi tính tình. Đồng thời, hai bên sống ly thân với nhau, kể từ tháng 10/2024 cho đến nay, người nào chỉ biết bổn phận người đó, không còn quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Do đó, chị N và anh D vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải, để giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ, chồng cho chị N và anh D

nhưng không đạt kết quả, do anh D không đến Tòa án tham gia hòa giải; mặc dù, anh D không đồng ý ly hôn nhưng không đến phiên tòa nhằm đưa biện pháp hàn gắn tình cảm vợ, chồng để thuyết phục chị N tiếp tục chung sống.

Tại phiên tòa, chị N xác định không còn tình cảm và kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh D, điều này cho thấy tình cảm vợ, chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị N và anh D có 02 người con là cháu Lê Hứa Ngọc T, sinh ngày 22/4/2013 và cháu Lê Đức T1, sinh ngày 21/12/2023. Chị N yêu cầu nuôi cháu T1, giao cháu T cho anh D nuôi dưỡng và anh D thống nhất, theo biên bản làm việc tại Tòa án. Mặt khác, nguyện vọng của cháu T (trên 07 tuổi) muốn chung sống với anh T. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu T1 cho chị N nuôi dưỡng và giao cháu T cho anh D nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu.

Chị N và anh D được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0008986 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Hứa Ngọc N được ly hôn với anh Lê Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Đức T1, sinh ngày 21/12/2023 cho chị Hứa Ngọc N chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Lê Hứa Ngọc T, sinh ngày 22/4/2013 cho anh Lê Văn D chăm sóc, nuôi dưỡng; chị N và anh D không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N và anh D được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hứa Ngọc N phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008986 ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hứa Ngọc N có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 13/6/2025). Anh Lê Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS ND huyện Giồng Riềng;
- THA huyện Giồng Riềng;
- UBND xã Ngọc Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Thanh Phát